TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/ 3/ 2023
V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
  2. Ông Nông Trung Kiên

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 13/3/2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST ngày 22/02/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Quàng Thị T - Sinh năm 1986

Nơi đăng ký thường trú: Bản Tông K, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.(có mặt).

2. **Bị đơn**: Anh Lò Văn L - Sinh năm 1984.

Nơi đăng ký thường trú: Bản T, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/11/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Quàng Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn L tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ ngày 14/4/2009. Kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu bị nghiện rượu nặng không chịu tu chí làm ăn. Mỗi lần say rượu anh L lại chửi mắng lăng nhục tôi có nhiều lần còn đánh đập bạo hành tinh thần tôi không cho tôi ngủ cả đêm, nhiều lần phải sang hàng xóm ngủ nhờ. Trước khi nghiện rượu thì anh L bị nghiện chất ma túy. Một mình tôi lo nuôi 2 con và trang trải cuộc sống nợ nần. Cuộc sống của tôi bị khủng khoảng kéo dài. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần anh L vẫn không thay đổi, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng. Tôi và anh L đã ly thân hơn 3 năm nay không quan tâm đến nhau. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L

2. Về con riêng: Tôi có 01 con riêng Lò Thị Thanh H, sinh ngày 08/5/2004. Hiện cháu đang học đại học, tôi đang trực tiếp nuôi cháu nên tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về con chung: Lò Khánh N sinh ngày 05/5/2009.

Sau khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh L có nguyện vọng nuôi cháu N tôi cũng đồng ý nếu cháu muốn sống cùng bố.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay anh Lò Văn L bị đơn trình bày.

1. Về hôn nhân quá trình đăng ký kết hôn đúng như cô L trình bày; Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T tháng 4 năm 2009 là đúng kết hôn tự nguyện sau đó chung sống tại bản T, xã T. Quá trình chung sống không có gì mâu thuẫn lớn. Nguyên nhân do cô T tự ý đi làm thuê từ năm 2019 đến nay về nhà muốn ly hôn. Bản thân anh L khai có thường xuyên uống rượu nhưng cho rằng mình không nghiện rượu và chất ma túy. Tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

- Về con riêng anh L khai chị T có một con riêng Lò Thị Thanh H sinh ngày 08/5/2004. Cháu H đã sống với anh từ bé năm nay mới đi học đại học nhưng anh vẫn yêu thương cháu như con đẻ.

- Về con chung: Lò Khánh N sinh ngày 05/5/2009. Quan điểm sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 2 con. Còn việc cấp dưỡng nếu cô T cấp dưỡng cháu nào anh đồng ý, còn không anh cũng không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về Tài sản chung công nợ diện tích ruộng nương anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng chị không yêu cầu Tòa giải quyết, về quan hệ tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Tại phiên Tòa hôm nay anh L vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn L tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh L không chịu tu chí làm ăn thường xuyên uống rượu và dẫn đến bị nghiện rượu, theo chị T khai trước khi nghiện rượu anh L có sử dụng chất ma túy. Nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Mỗi lần say rượu anh L không làm chủ được bản thân thường chửi mắng xúc phạm chị T. Hơn nữa anh không chịu làm ăn nên một mình chị phải cáng đáng cuộc sống nuôi 2 con và trang trải nợ nần nhiều năm, cuộc sống không lối thoát khủng khoảng kéo dài, tình cảm không còn nên chị xin ly hôn.

Tại phiên Tòa hôm nay anh L thừa nhận có thường xuyên uống rượu nhưng không bị nghiện rượu và bị nghiện chất ma túy. Bản thân không đi làm thuê được do sức khỏe yếu. Anh cho rằng bản thân không chửi mắng hay đánh đập vợ con. Vợ vẫn đi làm thuê sống ly thân cũng được, tình cảm vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh L bị nghiện rượu và có sử dụng ma chất ma túy. Không tu chí làm ăn nên không cùng chung gánh vác trách nhiệm gia đình cùng chị T được do vậy mâu thuẫn không thể hòa giải được. Bản thân anh khai còn tình cảm với vợ không muốn ly hôn, nhưng lại không có động thái gì để cải thiện tình trạng hôn nhân, không chịu đi làm thuê và từ bỏ rượu nên mâu thuẫn không thể hòa giải vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này.

Để đảm bảo quyền lợi của chị T và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T cùng các con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Thư xử cho ly hôn giữa chị Quàng Thị T và anh Lò Văn L.

[3] Về con riêng: Chị T có 01 con riêng cháu Lò Thị Thanh H, sinh ngày 08/5/2004. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về con riêng.

-Về con chung: Chị T và Luyến có 01 con chung: Lò Khánh N sinh ngày 05/5/2009. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

- Anh L có nguyện vọng được nuôi cả 2 cháu. Xét nguyện vọng cháu N muốn sống cùng bố tại phiên tòa chị T cũng đồng ý để anh L nuôi cháu N cho nên HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của anh L. Giao cháu Lò Khánh N cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị T có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị T và anh L sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con riêng, chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/216 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Quàng Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19; Điều 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn L.

2. Về con riêng: Chị Thư có 01 con riêng cháu Lò Thị Thanh H sinh ngày 08/5/2004. Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về con riêng.

Về con chung: Anh Lò Văn L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng cháu Lò Khánh N, sinh ngày 05/5/2009 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản:Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Quàng Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0005102 ngày 01/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Khải **Nông Trung Kiên** **Bạc Thị Liên**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN** **HỘI THẨM NHÂN DÂN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Thương **Bạc Thị Liên** **Lò Thanh Hồng**